

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI
TRƯỜNG VIỆT NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM ENVIRONMENT RESOURCES AND SERVICE COMMERCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108640735

3. Ngày thành lập: 12/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 159 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ + Xây dựng mạng lưới địa chính và đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính +Thành lập các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề Atlas + Đo vẽ và hiệu chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ lớn + Đo đạc quan trắc về biến dạng các công trình xây dựng\ + Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, đánh giá phân hạng thích nghi đất đai + Đăng ký thống kê lập hồ sơ địa chính + Thiết kế quy hoạch xây dựng + Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110(Chính)
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
4.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
5.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
6.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
7.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
8.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102

13.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
14.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15.	Xây dựng công trình điện	4221
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22.	Phá dỡ	4311
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
27.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
28.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bán mô tô, xe máy	4541
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
47.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

48.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ĐỨC MINH	Số nhà 62, tổ 10 cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	70,000	036076002623	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	70,000		
2	PHÙNG QUANG TRUNG	Số nhà 40 tổ dân phố 5, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	112281202	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN QUANG HUY	Số 17 ngách - 106/6 phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	011799578	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ ĐỨC MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036076002623

Ngày cấp: 30/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 62, tổ 10 cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 62, tổ 10 cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội